

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Thu Ngân
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
CHUNG LỢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Thu Ngân
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Thu Ngân

Mã SV: 1512401055

Lớp: QT1902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty TNHH Chung Lợi

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Sử dụng số liệu năm 2018 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- ✓ Công ty TNHH Chung Lợi.
- ✓ Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chung Lợi.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đào Thị Thu Ngân

Th.S Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2020

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.1 Doanh thu:	2
1.1.2: Chi Phí.....	4
1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC	7
1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	7
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	10
1.2.1.3 Kế toán thu nhập khác.....	12
1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	14
1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	18
1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	21
1.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....	23
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp	29
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	29
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	30
1.3.4 Hình thức kế toán máy	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI	34
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Chung Lợi.....	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Chung Lợi.	34
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Chung Lợi.....	35
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Chung Lợi.	35
2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi	36

2.1.4.1 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi	38
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống kế toán	38
2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi	39
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi.	39
2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Chung Lợi.	52
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.....	57
2.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh, doanh thu khác và chi phí khác tại công ty TNHH Chung Lợi.	63
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI.....	75
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chung Lợi.....	75
3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.....	75
3.1.2. Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.	76
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.....	77
3.2.1. Sự cần thiết hoàn thiện trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.....	77
3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.	78
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	13
Sơ đồ 1.4. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên	17
Sơ đồ 1.5. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	24
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	27
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	28
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	29
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái....	30
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	33
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Chung Lợi	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi.....	36
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi.....	40
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty	52
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi	58
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.....	64
Sơ đồ 3.1: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.	78

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000835	42
Biểu số 2.2 Giấy báo có	43
Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho.....	43
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0000837	46
Biểu số 2.5: Phiếu thu	47
Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho.....	48
Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung.....	49
Biểu số 2.8: Sổ Cái TK 511	50
Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632	51
Biểu số 2.10: Giấy báo có	54
Biểu số 2.11: Sổ Nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.12: Sổ Cái 515.....	56
Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT 0751631	59
Biểu số 2.14: Phiếu chi.....	60
Biểu số 2.15: Sổ Nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.16: Sổ Cái TK 642	62
Biểu số 2.17: Phiếu kế toán 19.....	65
Biểu số 2.18: Phiếu kế toán 20.....	66
Biểu số 2.19: Phiếu kế toán 21	67
Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 22.....	68
Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 23.....	69
Biểu số 2.22: Nhật ký chung.....	70
Biểu số 2.23: Sổ Cái 911	71
Biểu số 2.24: Sổ cái 821.....	72
Biểu số 2.25: Sổ cái 421	73
Biểu số 2.26: Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	74
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	79
Biểu số 3.2 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng	80

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển đã mở ra vô số cơ hội cũng như sự thách thức đối với các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần tập trung sản xuất kinh doanh, chủ động nắm bắt các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chính xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính,... các thông tin này được kế toán tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn chính xác và kịp thời trong quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí vận dụng lý luận đã được học tập tại trường kết hợp với thực tế thu nhận được từ quá trình thực tập tại công ty TNHH Chung Lợi, em đã chọn đề tài "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chung Lợi" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1 : Cơ sở lý luận về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Được sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Th.s Phạm Thị Nga và các anh chị phòng kế toán, các phòng ban chức năng của công ty TNHH Chung Lợi đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài luận.

Do thời gian và kinh nghiệm còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quát còn hạn chế nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, phê bình của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Thị Thu Ngân

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1 Doanh thu:

❖ Khái niệm: Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt thu tiền hay sẽ thu được tiền.

❖ Phân loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán như công vận chuyển, chi phí lắp đặt....(nếu có).

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản thu bao gồm:

✓ Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm; trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,...

✓ Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại,...)

✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia..

✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

✓ Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Thu nhập khác: Là các khoản lợi nhuận mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc dự tính trước nhưng ít có khả năng xảy ra. Những lợi

nhuận này góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- ✓ Thu về thanh lý nhượng bán tài sản cố định.
- ✓ Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- ✓ Thu từ các khoản nợ khó đòi
- ✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- ✓ Thu từ các khoản nợ không xác định được chủ.
- ✓ Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót.
- ✓ Các khoản thuế được ngân sách hoàn lại.
- ✓ Các khoản tiền thưởng từ khách hàng.
- ✓ Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân

tặng cho doanh nghiệp.

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

✓ Chiết khấu thương mại : là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm giá bán niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách, lạc hậu thị hiếu hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ Hàng bán bị trả lại: là số hàng hóa, sản phẩm doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách chủng loại. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kì.

❖ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nằm trong danh mục nhà nước quy định.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu, không nằm trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp. Khi xuất khẩu hàng hóa, kế toán phải tách riêng số thuế xuất khẩu phải nộp ra khỏi doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Trường hợp không

tách ngay được số thuế xuất phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu thì được ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế nhưng định kì phải ghi giảm doanh thu đối với số thuế xuất khẩu phải nộp.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Vì vậy số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

1.1.2: Chi Phí

❖ Khái niệm: Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

❖ Phân loại chi phí:

- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí quản lý kinh doanh: Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm :

- + Chi phí nhân viên bán hàng
- + Chi phí vật liệu bao bì
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- + Chi phí bảo hành sản phẩm
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + Chi phí bằng tiền khác

✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

+ Chi phí nhân viên quản lý : Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo

quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, bảo quản TSCĐ...

+ Chi phí vật liệu văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

+ Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ : Phản ánh khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường...

+ Thuế, phí và lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài, và các khoản lệ phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

- Chi phí khác: là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp gồm: chi phí thanh lý nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thu thuế, truy thu thuế, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác...

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định. Được biểu hiện bằng tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện là chỉ tiêu tổng hợp quan trọng để đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

* Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

* Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

Phải xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu: thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTTT)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng)

- Phiếu xuất kho (mẫu 02 - VT)

- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các TK cấp 2 :

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm

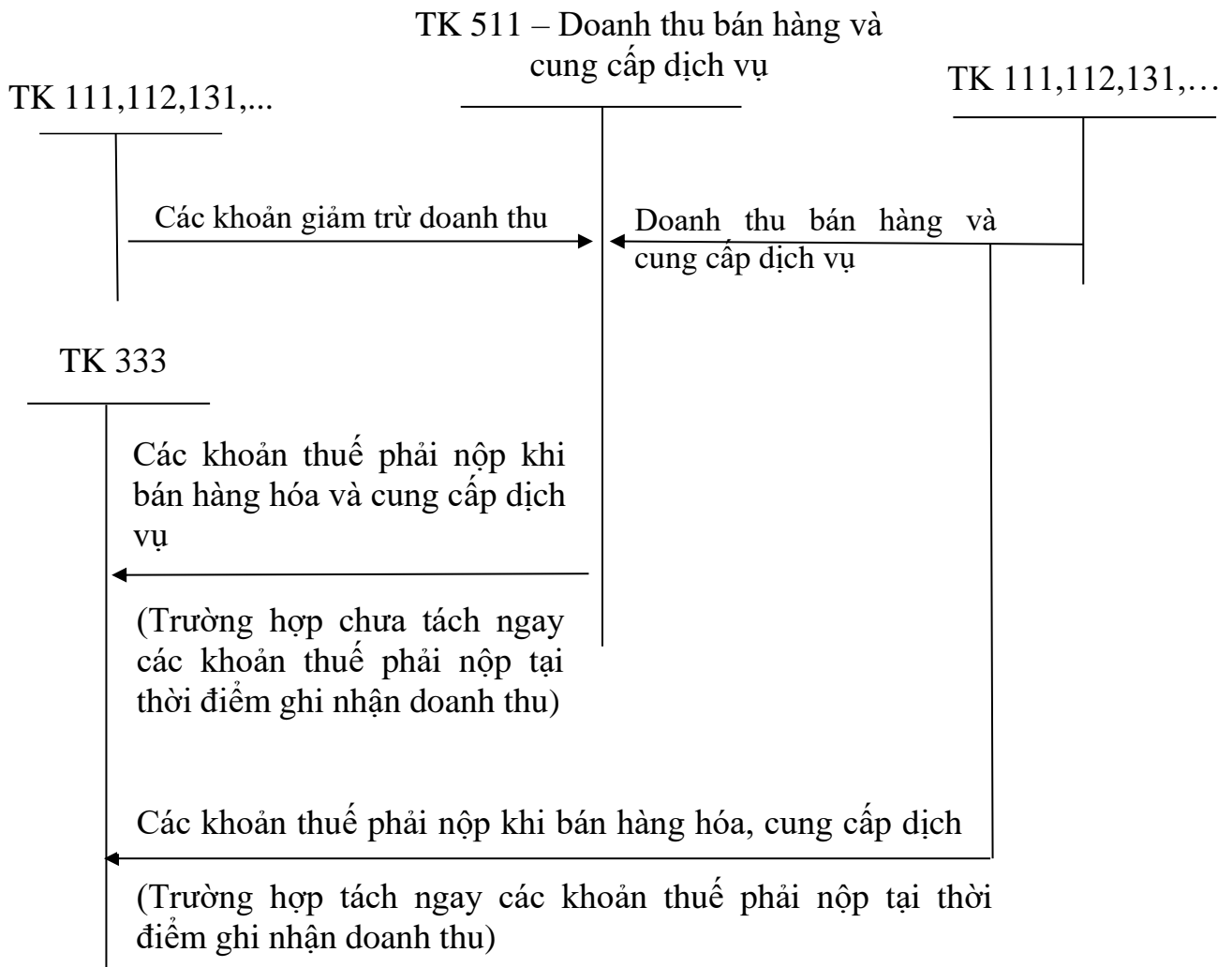
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5118 : Doanh thu khác

❖ Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none">- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);- Các khoản giảm trừ doanh thu;- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

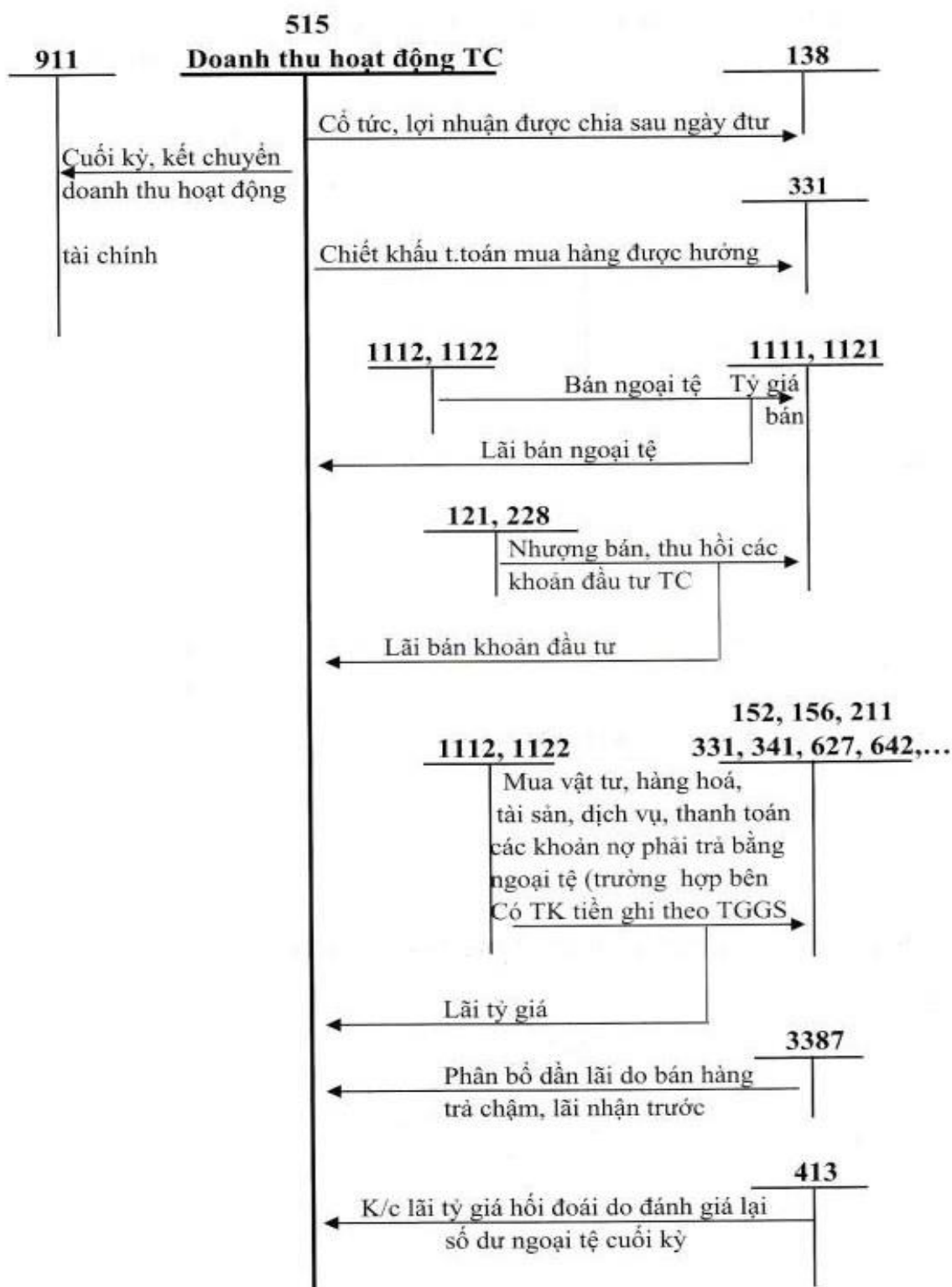
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết... - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các giấy tờ khác có liên quan

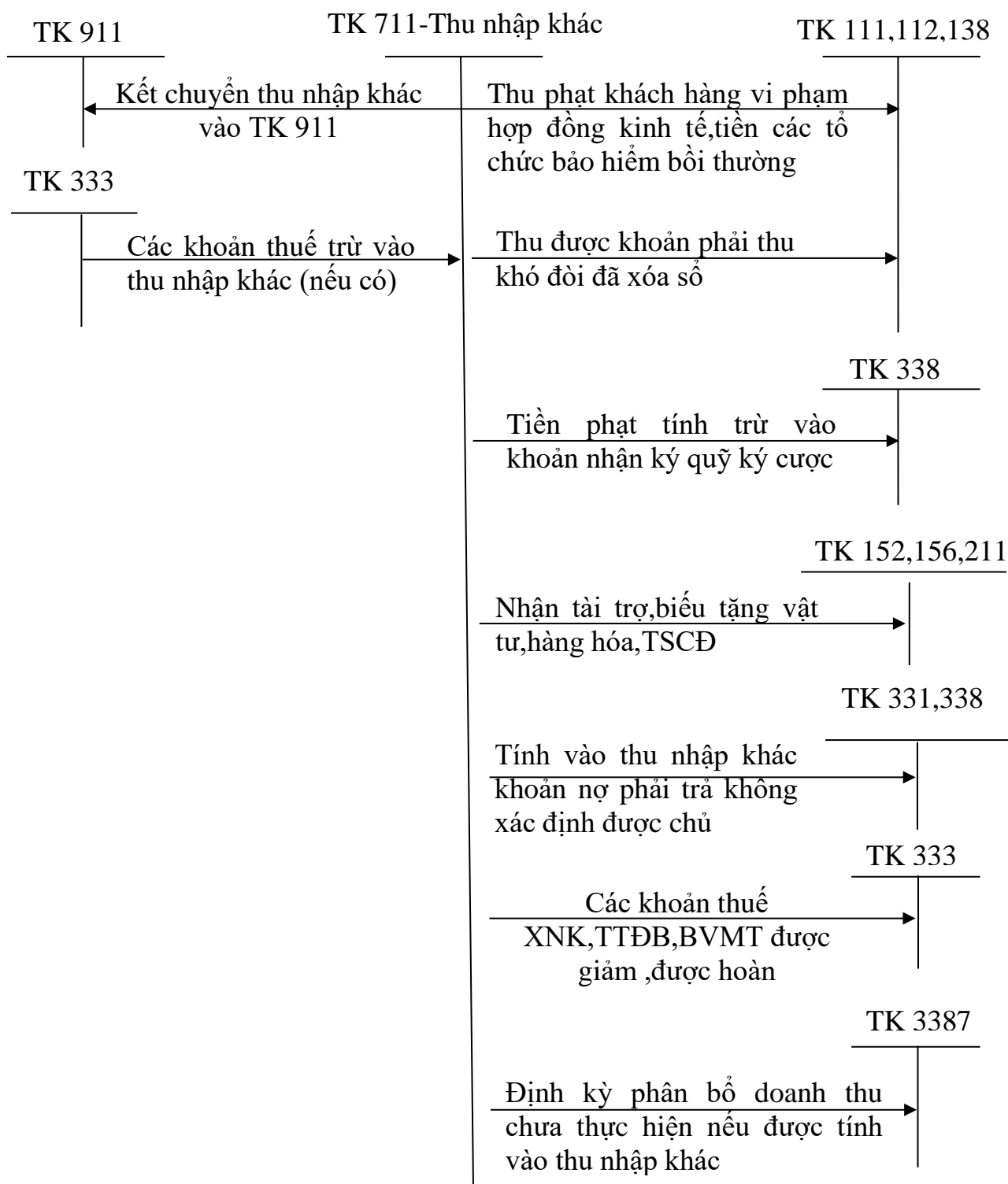
❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 - Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức, các nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán**

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- ✓ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO) : hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.
- ✓ Phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế HTK sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế HTK sau mỗi lần nhập}}$$

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTTT)
- Phiếu xuất (mẫu 02 - VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá

thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp)
bán ra trong kỳ.

❖ Kết cấu của tài khoản 632:

- *Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: " Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị mua hàng nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

- *Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

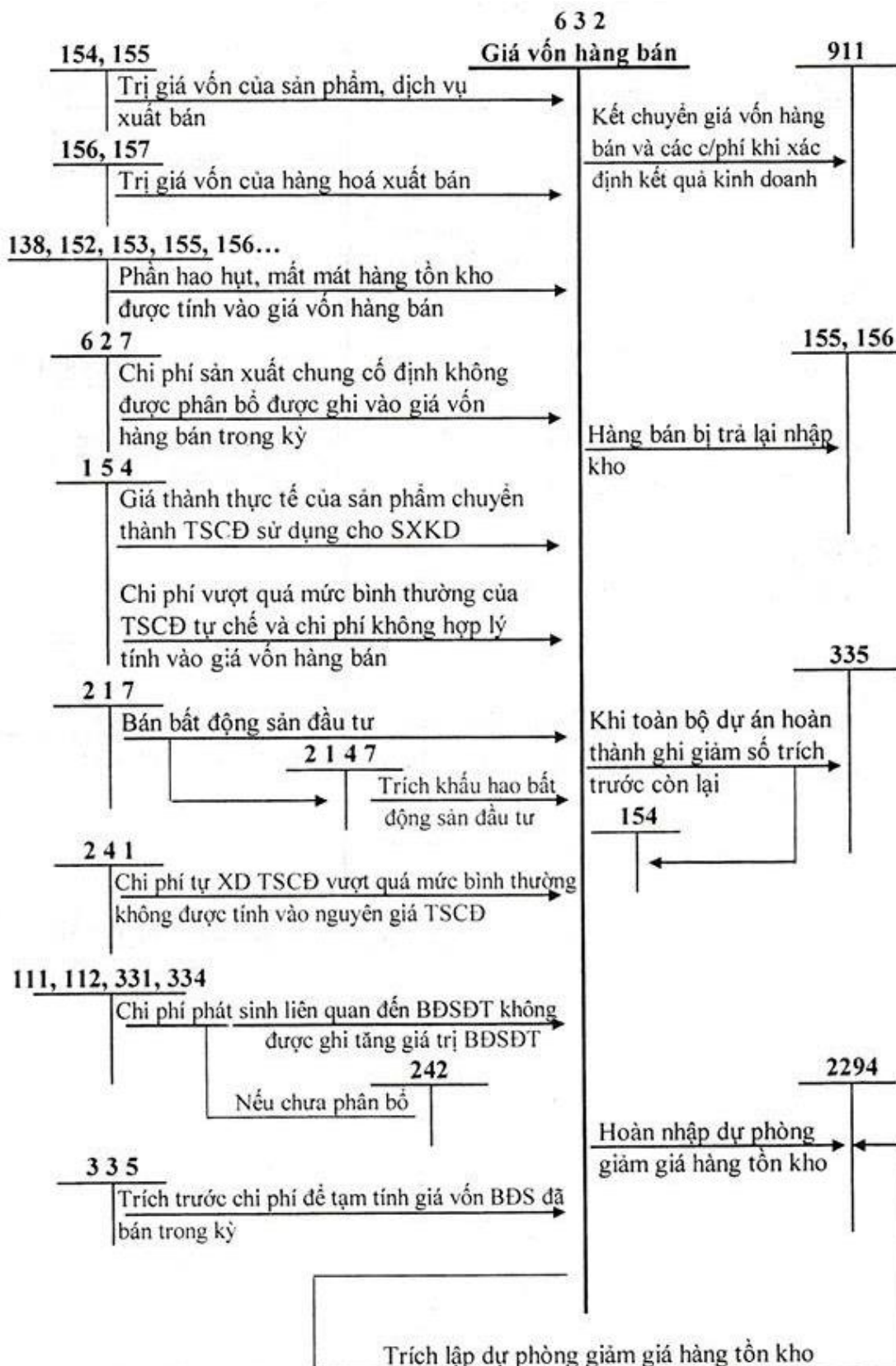
+ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

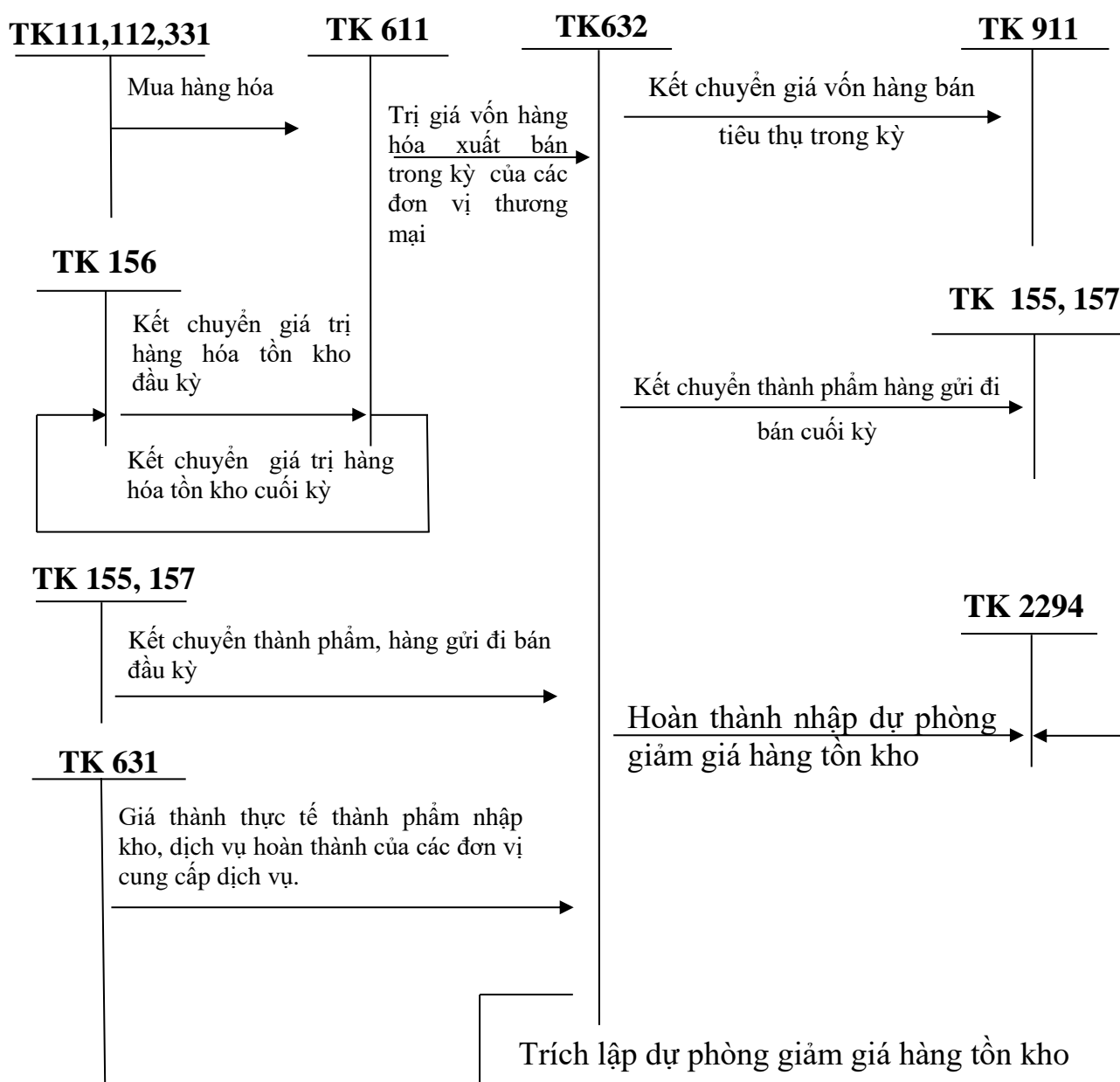
+ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.4. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Phiếu kế toán
 - Giấy báo có
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

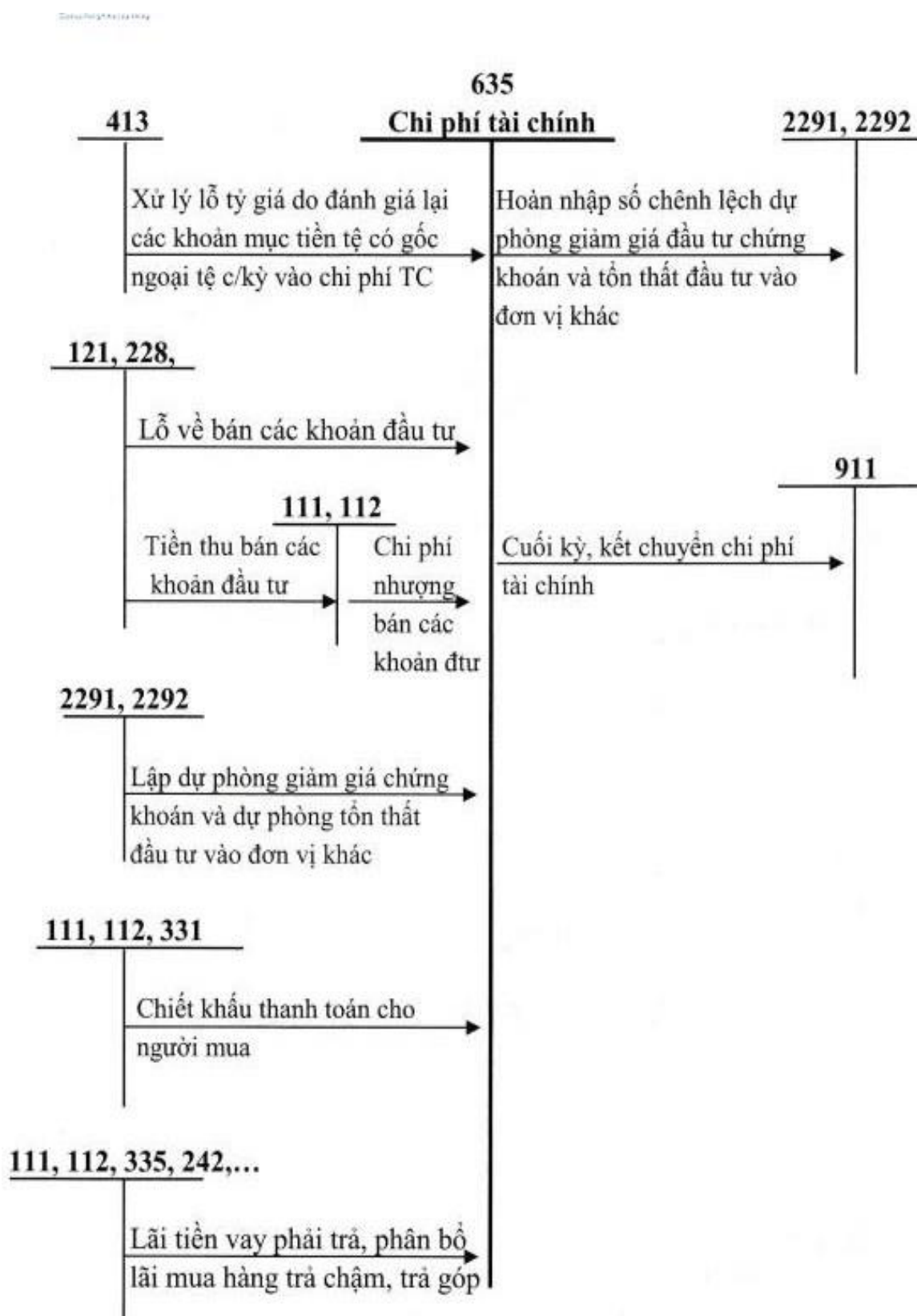
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản

lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

❖ Kết cấu của tài khoản 635

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu chi (mẫu số 02 - TT)
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 642 - Chi phí bán quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

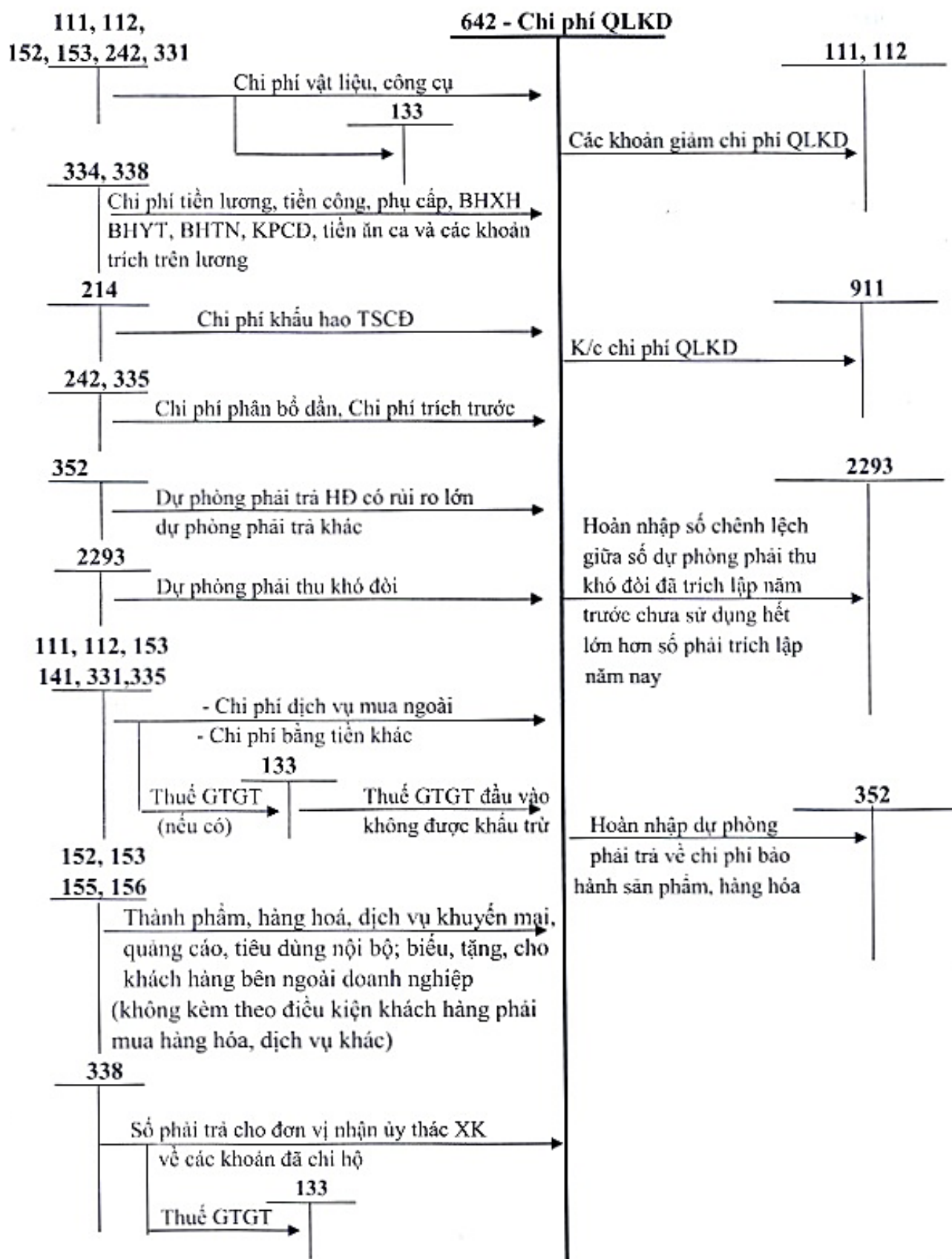
TK 6421 - Chi phí bán hàng

TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.4 Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

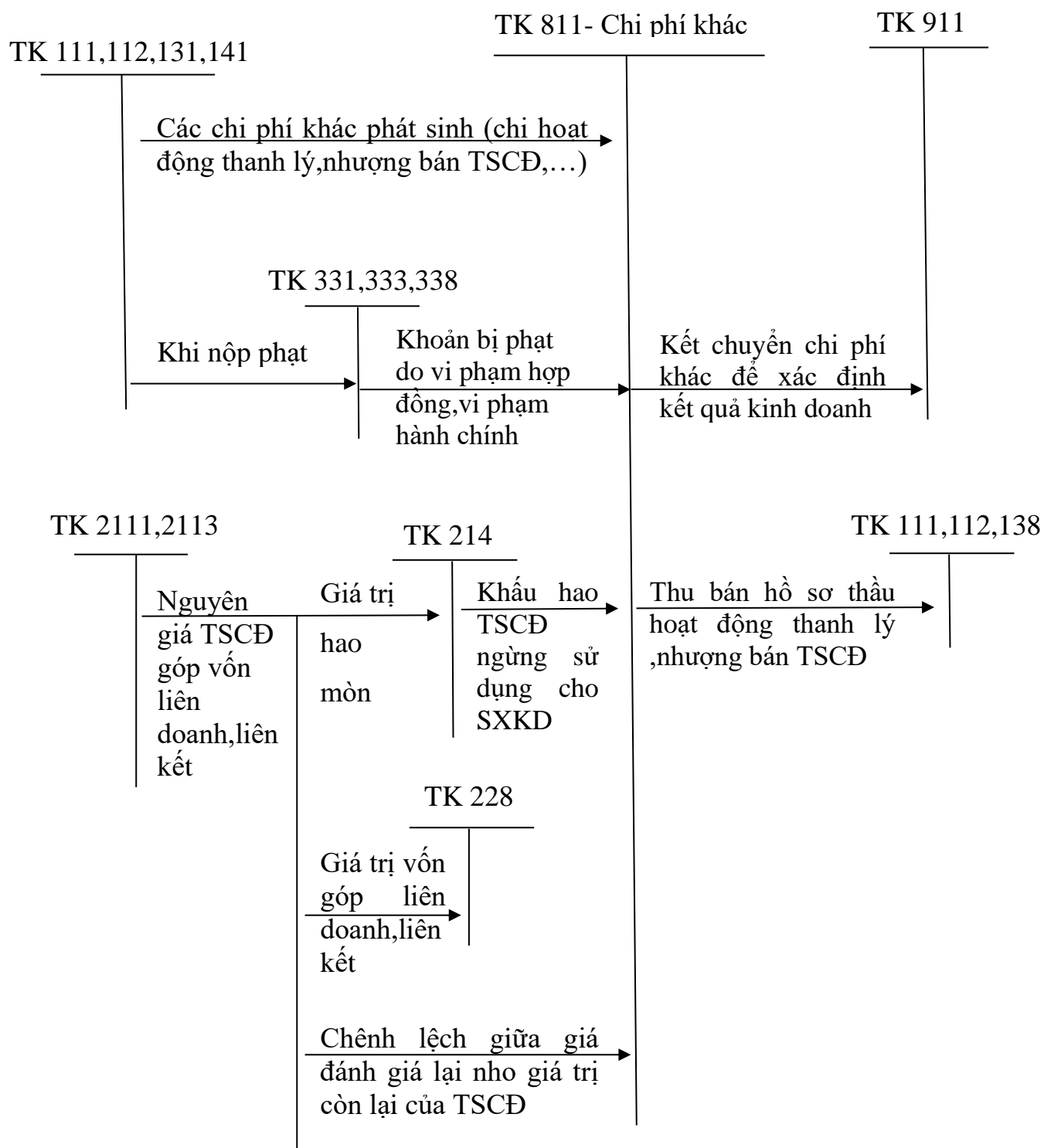
TK 811 - Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản 811

Nợ	811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- ✓ TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- ✓ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của DN.

❖ Kết cấu tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

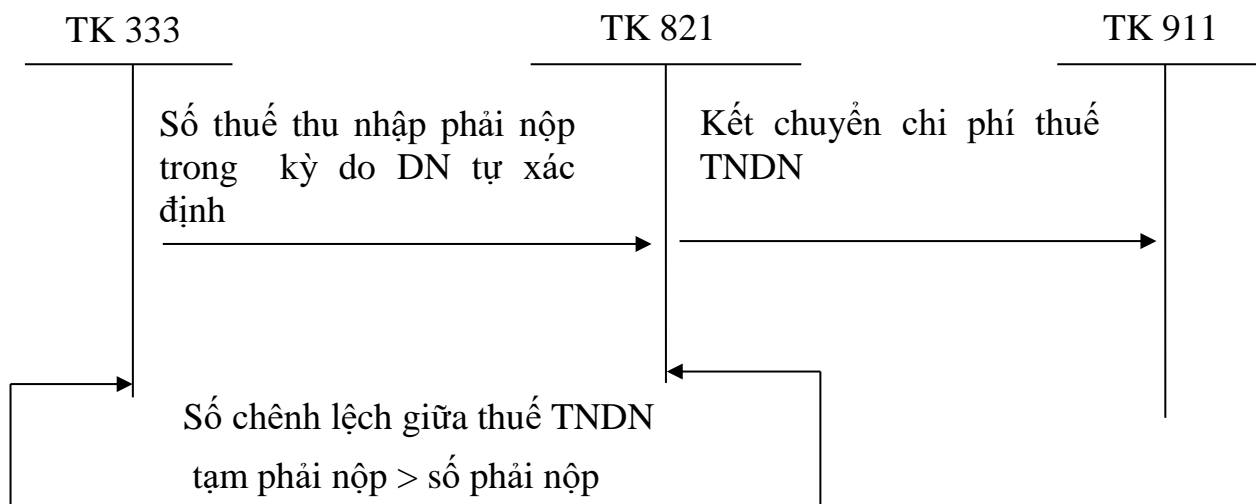
* Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

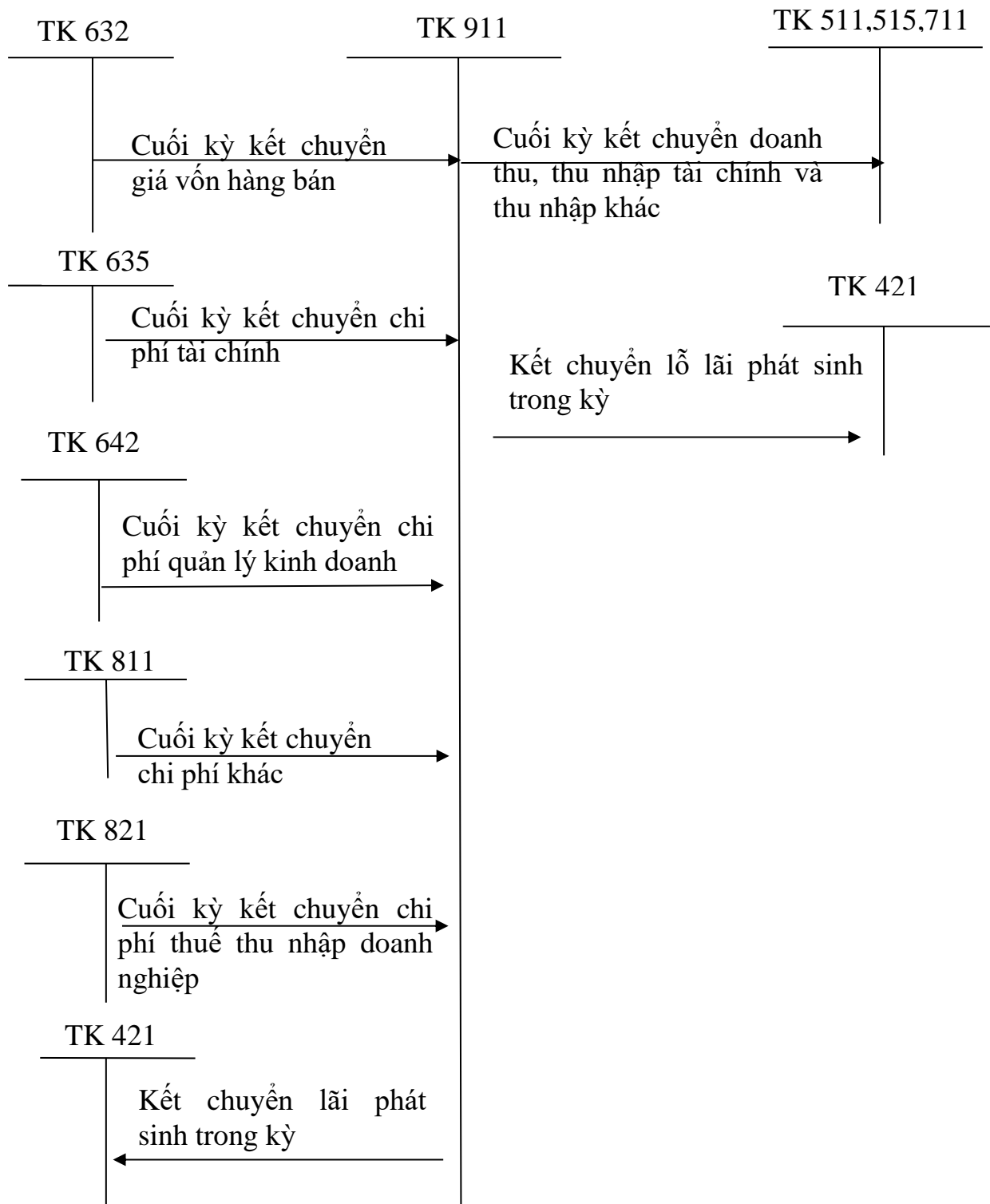
* Kết cấu tài khoản 421

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

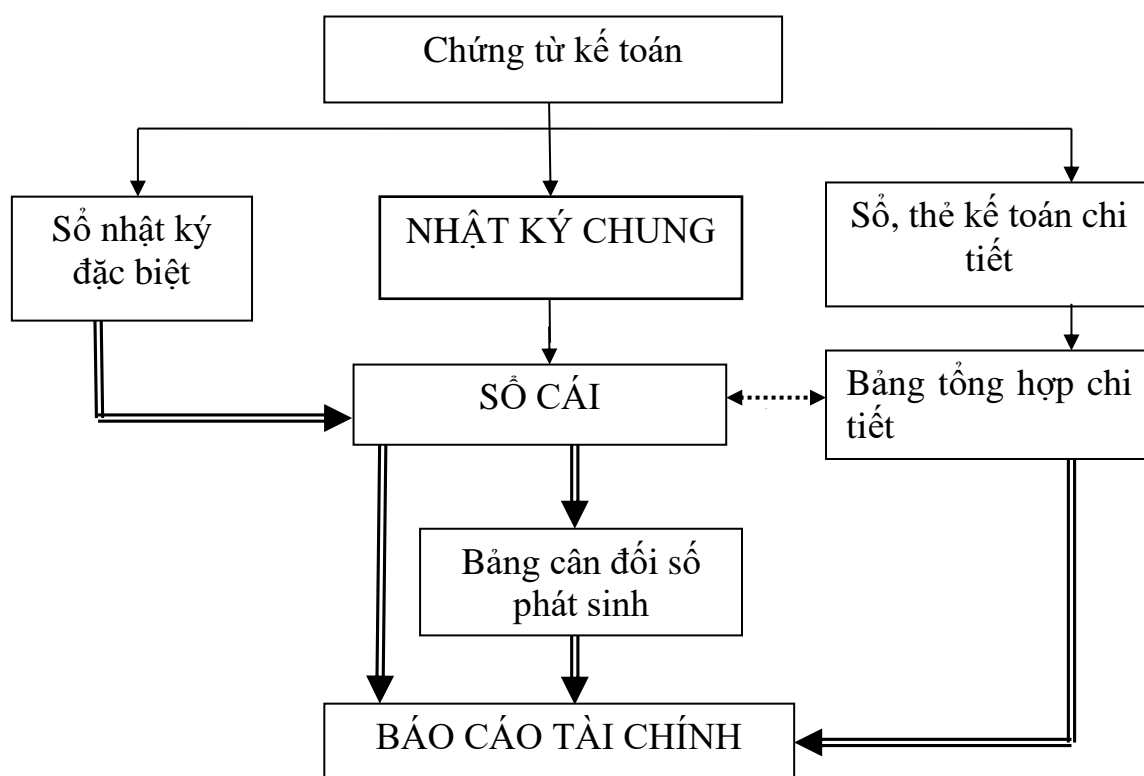
1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

Các hình thức ghi sổ kế toán theo thông tư 133 gồm 4 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
 - Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái.
 - Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
 - Hình thức kế toán máy.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

- ❖ Đặc điểm: Tất cả nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- ❖ Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ═══════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

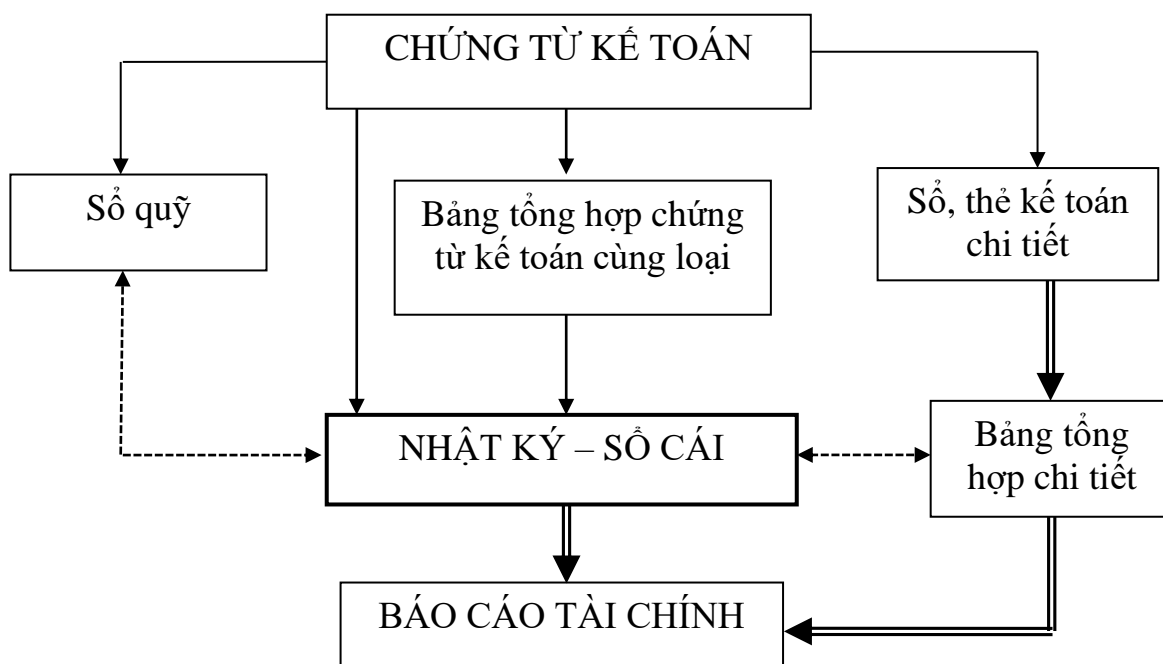
❖ Đặc điểm

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên trên Nhật ký – Sổ cái.




Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu và dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày 
- Ghi cuối tháng 
- Đối chiếu, kiểm tra 

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ.

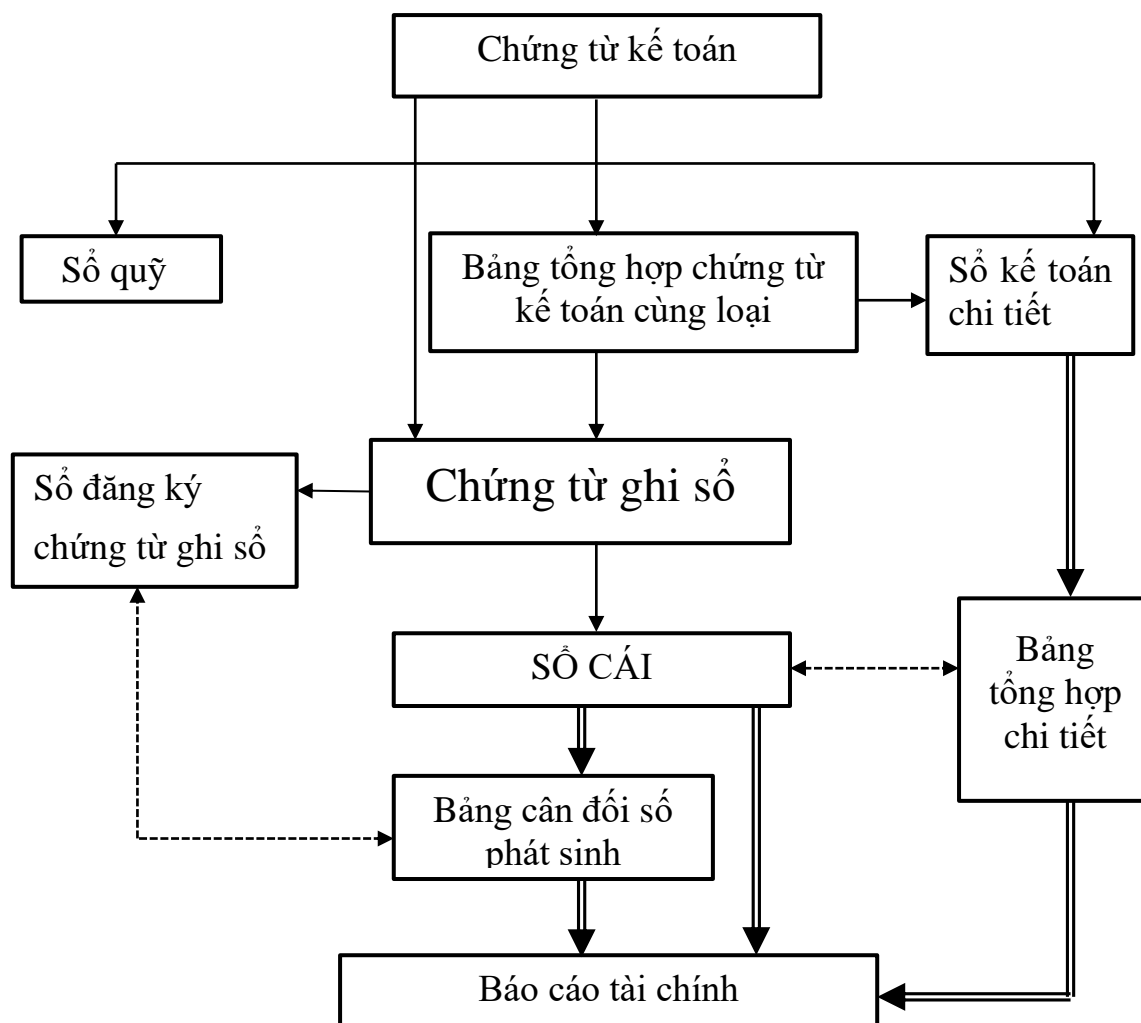
Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

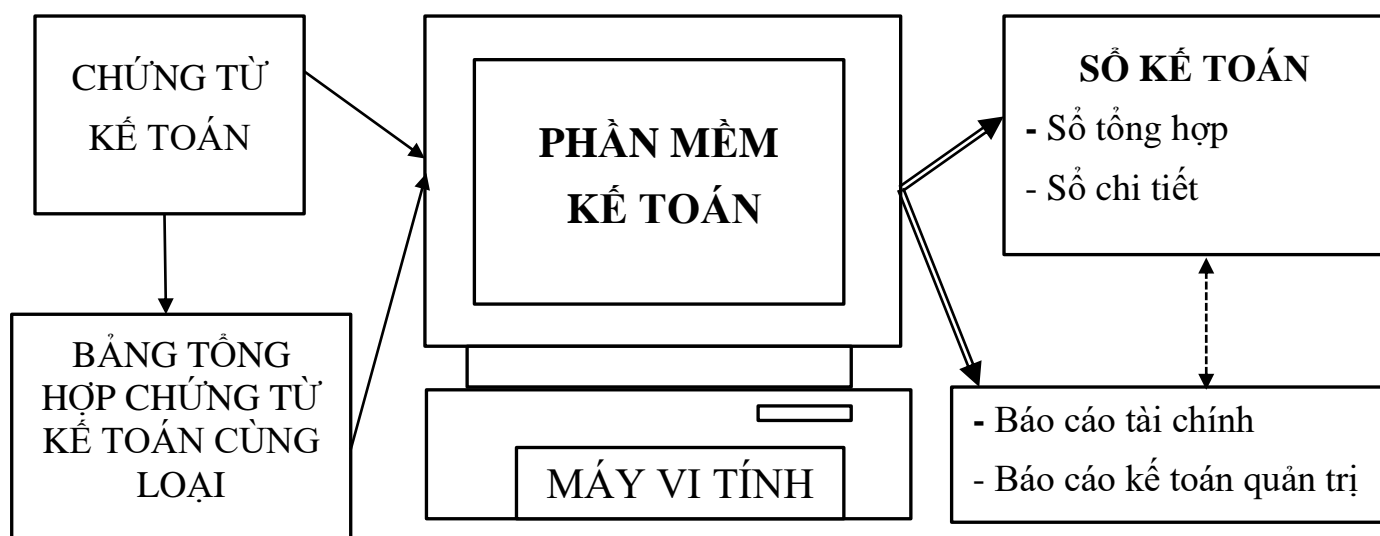
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.4 Hình thức kế toán máy

- ❖ Đặc điểm: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo

tài chính theo quy định. Phần kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Ghi chú

Nhập số liệu hàng ngày →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒

Đối chiếu, kiểm tra ⇐

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Chung Lợi.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Chung Lợi.

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH Chung Lợi.
- Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0225 3959797.
- Mã số thuế: 0201308154.

Công ty TNHH Chung Lợi được cấp giấy phép kinh doanh từ ngày 13/08/2013 tại Chi cục thuế huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng. Đến nay Công ty đã hoạt động được 6 năm và đang phát triển rõ rệt qua từng năm.

Hiện nay ngành nghề chính của công ty là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng .

Ngoài ra công ty còn đăng ký một số tên ngành nghề khác:

- + Hoàn thiện công trình xây dựng .
- + Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre , nứa) và động vật sống.
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- + Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).
- + Vận tải hành khách đường bộ khác.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- + Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Chung Lợi.

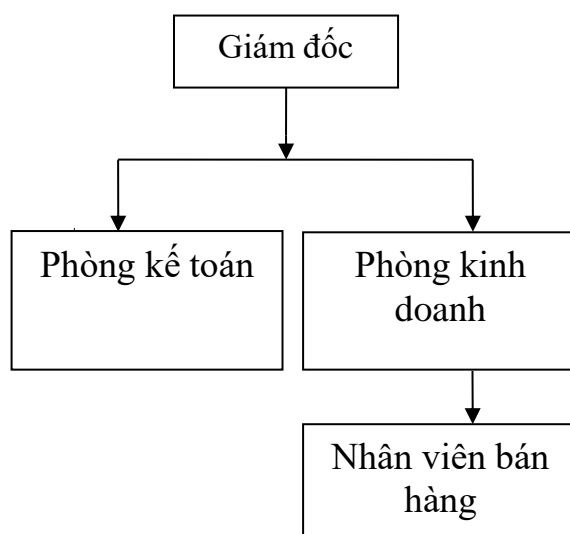
❖ Thuận lợi

Xây dựng là ngành nghề đang lên ngôi ở nước ta, thu hút nhiều lao động nhất. Xây dựng đang được ưa chuộng và tạo điều kiện phát triển rất nhiều, đó là một bàn đạp để Công ty đi lên và phát triển. Công ty duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định qua các năm. Điều này giúp Công ty khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình. Bên cạnh đó phải kể đến đội ngũ lãnh đạo, quản lý, nhân viên được đào tạo về chuyên môn, rèn luyện trưởng thành trong quá trình hoạt động kinh doanh, luôn chăm chỉ, năng động trong công việc, mạnh dạn vượt qua khó khăn. Số lượng khách hàng ổn định và đa dạng- đây là những yếu tố cơ bản trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Công ty.

❖ Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trong quá trình hoạt động của Công ty những năm vừa qua cũng có những khó khăn nhất định. Khi ngành xây dựng đang phát triển thì nhiều công ty, doanh nghiệp được thành lập dẫn đến tình trạng cung tăng, cầu giảm khiến dư thừa một lượng lớn vật liệu, thiết bị, do đó sự cạnh tranh với công ty khác cũng tăng lên, buộc công ty cần có những bước tiến táo bạo để trụ vững trong ngành xây dựng. Các thiết bị lắp đặt còn chưa phong phú, chưa được quảng cáo rộng rãi,...

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Chung Lợi.



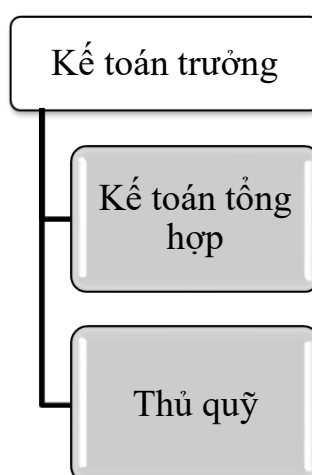
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Chung Lợi

❖ Chức năng các phòng ban

- Giám đốc: Quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mỗi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.
- Phòng kế toán: Làm công tác hạch toán các hoạt động kinh doanh, thanh toán, theo dõi các hoạt động thu chi của công ty, giúp Giám đốc xây dựng các kế hoạch về tài chính, nội dung pháp luật về kế toán thống kê.
- Phòng kinh doanh: Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác; chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; kết hợp với phòng kế toán trong các nghiệp vụ thu tiền bán hàng và thanh toán tiền hàng; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh, thống kê báo cáo về kết quả kinh doanh theo từng kỳ và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của công ty trước giám đốc.
- Nhân viên bán hàng: Giao nhận hàng hóa, vật liệu, thiết bị, đảm bảo chất lượng và số lượng hàng đi giao, quản lý hàng hóa đi giao.

Mỗi phòng ban trong công ty đều có chức năng nhiệm vụ riêng biệt nhưng giữa các phòng ban đều có mối quan hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Giám đốc Công ty nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi

❖ Kế toán trưởng:

❖ Chức năng:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

❖ **Nhiệm vụ:**

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.
- Lập Báo cáo tài chính.

❖ **Quyền hạn:**

- Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, tuyển chuyên, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ quỹ.
- Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán.

❖ **Kế toán tổng hợp:**

❖ **Nhiệm vụ:**

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về các loại vốn, các loại quỹ của đơn vị;
- Cung cấp tài liệu cho các bộ phận có liên quan trong lẫn bên ngoài đơn vị;
- Đối chiếu số liệu phát sinh khi khóa sổ hàng tháng với các kế toán viên của phòng;
- Điều chỉnh, bổ sung các bút toán, hạch toán kế toán;
- Lập chứng từ ghi sổ, kết chuyển xử lý các nguồn chi phí;
- Lập sổ tổng hợp và kế toán chi tiết hàng tháng;

❖ **Thủ quỹ:**

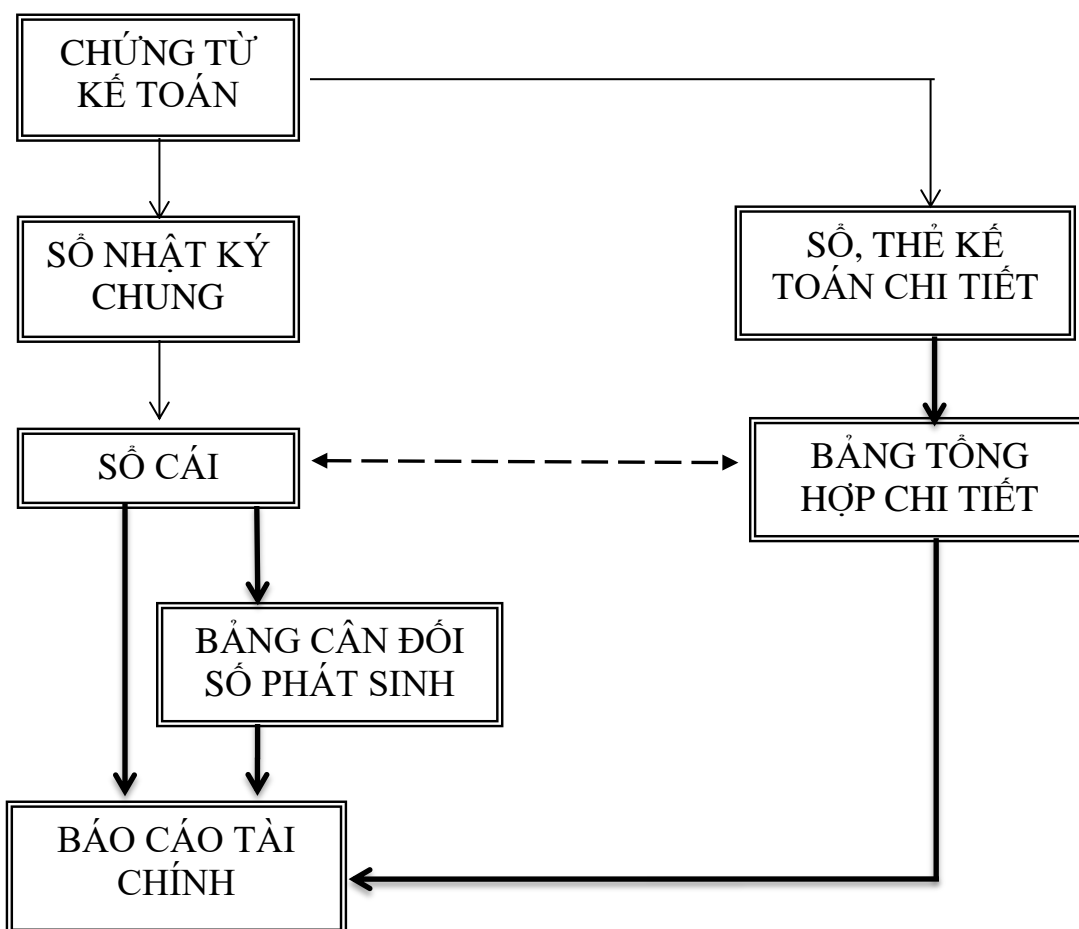
- Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phản thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi.
- Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.4.1 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hệ thống tài khoản sử dụng: Áp dụng theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng kế toán máy với hình thức kế toán “Nhật ký chung” để ghi sổ kế toán.

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống kế toán



*Ghi chú*Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi định kỳ \longrightarrow Kiểm tra, đối chiếu $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu xuất kho

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 111, 112, 131, 511, 632,...
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- TK 632: Giá vốn hàng bán

❖ Phương pháp hạch toán

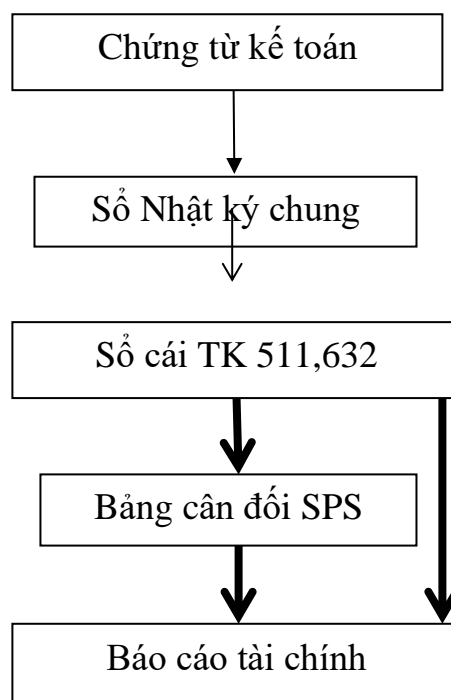
- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập phải tính trị giá vốn của hàng xuất kho.
- Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu.
- Công thức tính giá đơn vị bình quân

Trị giá thực tế HTK sau lần nhập

Đơn giá bình quân sau lần nhập =

Lượng thực tế HTK sau lần nhập

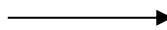
❖ Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Chung Lợi

Ghi chú

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



❖ Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 28/09/2018 xuất 2.213kg thép ống bán cho công ty TNHH Một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến số tiền là 31.585.485 (giá chưa VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000835 (biểu số 2.1), Giấy báo có (biểu số 2.2), Phiếu xuất kho (biểu số 2.3), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.7) từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu số 2.8). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

❖ Tính trị giá xuất :

- Tồn đầu kỳ tháng 9/2018 của thép ống (42,2x2,0x6m) là 1600kg, trị giá tồn đầu kỳ tháng 9 là: $1600 \times 12.423 = 19.876.800đ$

- Ngày 5/9/2018 nhập 2400kg đơn giá là 13.123đ/kg, trị giá nhập là:

$$2400 \times 13.123 = 31.495.200đ$$

$$\begin{array}{l} \text{- Đơn giá} \\ \text{ngày 28/09/2018} \end{array} = \frac{19.876.800 + 31.495.200}{1600 + 2400} = 12.843đ/kg$$

- Trị giá xuất thép ống (42x2,0x6m) ngày 28/9/2018 là:

$$2.213 \times 12.843 = 28.421.559đ$$

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000835

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Ngày 28 tháng 9 năm 2018			Ký hiệu: AA/15P		
			Số: 0000835		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI					
Mã số thuế: 0201308154					
Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3959797					
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG CHUNG TIẾN					
Mã số thuế: 0201586088					
Địa chỉ: Thôn 5, Xã Kỳ Sơn, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản			Số tài khoản: 32310002926868		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép ống (42,2x2,0x6m)	Kg	2.213	14.272,7	31.585.485
Cộng tiền hàng:					31.585.485
Thuế suất VAT: 10%			Tiền thuế VAT:		3.185.548
Tổng cộng tiền thanh toán:					34.771.033
Viết bằng chữ: Ba mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Biểu số 2.2 Giấy báo có



CHUNG TU GIAO DỊCH

KH: VC/17T

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

GIẤY BÁO CÓ - IBTC

117 BẠCH ĐANG - T.T NÚI ĐEO –
THUY NGUYỄN – HẢI PHÒNG

Ngày: 28/09/18

SỐ HD: 280918.ZZ07.0000148

LIÊN 2: LƯU

Số chung tu: 068.ZZ07.00148

Ngày giao nhận:

ĐÃ HẠCH TOÁN

Số chuyển tiền: 4689311017300148

Tru số chính

TK Ghi No: 120101003

Người trả tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI VÀ XÂY DỰNG
CHUNG TIỀN

Số tài khoản: 0127000100000551166

Địa chỉ: KỶ SƠN

NHNT Hải Phòng

TK Ghi Có: 31000228690

Người hưởng: CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI

Số tài khoản: 32310002926868

Tài NH: BIDV HẢI PHÒNG

Số CMT:

Địa chỉ:

Số tiền: VND 34.771.033

Ba mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng.Nội dung: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI VÀ XÂY DỰNG
CHUNG TIỀN THANH TOÁN TIỀN HÀNG.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

GIAM ĐỐC

Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho.

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi
Địa chỉ: số 1G Tân Dương, huyện Thủy
Nguyên, TP Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 09 năm 2018
Số: P XK00055

Nợ 632
Có 156

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Đức
- Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG CHUNG TIẾN

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ống thép (42,2x2,0,6m)		Kg	2.213	2.213	12.843	28.421.559
	Cộng						28.421.559

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn năm trăm năm mươi chín đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 28 tháng 09 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

VD2: Ngày 30/09/2018 xuất hàng bán cho công ty TNHH Cường Châm số tiền là 13.608.600 (chưa thuế VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000837(biểu số 2.4), phiếu thu số 12 (biểu số 2.5), Phiếu xuất kho (biểu số 2.6), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.7) từ nhật ký chung vào sổ cái 511(biểu số 2.8) và sổ cái 632 (biểu số 2.9). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0000837

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000837	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI					
Mã số thuế: 0201308154					
Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3959797					
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị: CÔNG TY TNHH CƯỜNG CHÂM					
Mã số thuế: 0201746528					
Địa chỉ: Khu Phú xá, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, TP Hải phòng.					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép D6	Kg	150	11.100	1.665.000
2	Thép D8	Kg	215	11.100	2.386.500
3	Thép D10	Kg	861	11.100	9.557.100
Cộng tiền hàng:					13.608.600
Thuế suất VAT: 10%		Tiền thuế VAT:			1.360.860
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.969.460
Viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Biểu số 2.5: Phiếu thu

CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI**Mẫu số 01-TT****Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

Số: PT0135

Nợ: 111 14 969 460

Có: 511 13 608 600

Có : 3331 1 360 860

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Quang Trung

Đơn vị: Công ty TNHH Cường Châm

Địa chỉ: Khu Phú xá, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, TP Hải phòng

Lý do thu: Thu tiền hàng

Số tiền: **14.969 460 VND**

Bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng

Kèm theo:

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN

NGƯỜI NỘP

NGƯỜI LẬP

THỦ QUỸ

TRƯỞNG

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi
Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 09 năm 2018
Số: P XK00063

Nợ 632
Có 156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Quang Trung
- Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Cường Châm

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép D6		Kg	150	150	9.530	1.429.500
2	Thép D8		Kg	215	215	9.530	2.048.950
3	Thép D10		Kg	861	861	9.530	8.205.330
	Cộng			1.226	1.226		11.683.780

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2018

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
					
28/09	PXK00055	28/09	GVHB cho công ty TNHH một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến	632	28.421.559	
				156		28.421.559
					
28/09	GBC280918	28/09	Bán hàng cho công ty TNHH một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến	112	34.771.033	
	HD0000835			511		31.585.485
				3331		3.185.548
					
30/09	PXK00063	30/09	GVHB cho công ty TNHH Cường Châm	632	11.683.780	
				156		11.683.780
					
30/09	PT0135		Bán hàng cho công ty TNHH Cường Châm	111	14.969.460	
	HD0000837			511		13.608.600
				3331		1.360.860
					
			Cộng		102.105.407.540	102.105.407.540

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ Cái TK 511

CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI**Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng****Mẫu số: S03b – DNN***(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CÁI**

Năm: 2018

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
					
28/09	GBC280 918 HD00008 35	28/09	Bán hàng cho công ty TNHH một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến	112		31.585.485
30/09	PT0135 HD00008 37	30/09	Bán hàng cho công ty TNHH Cường Châm	111		13.608.600
2/10	HD00008 44	2/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Thương Mại Lợi Mạnh	131		20.000000
...
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	17.465.481.803	
			Cộng		17.465.481.803	17.465.481.803

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI**Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng****Mẫu số: S03b – DNN***(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CÁI**

Năm: 2018

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Thán g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...
28/09	PXK00055	28/09	GVHB cho công ty TNHH một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến	156	28.421.559	
30/09	PXK00063	30/09	GVHB cho công ty TNHH Cường Châm	156	11.683.780	
5/10	PXK00069	5/10	GVHB cho công ty TNHH Kim Phong	156	368.000	
...
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển GVHB	911		16.491.001.668
			Cộng SPS		16.491.001.668	16.491.001.668
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi số
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Chung Lợi.

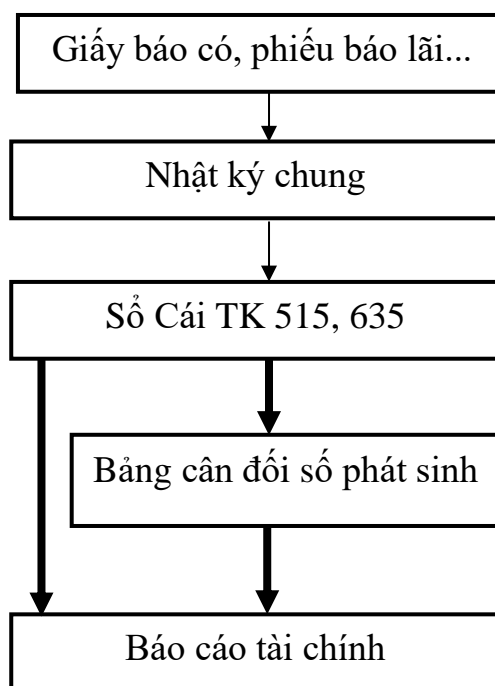
❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu thu

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

❖ Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ hoặc cuối tháng



❖ Ví dụ

Ngày 25/06/2018, nhận lãi tiền gửi ngân hàng số tiền 10.524 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (Biểu số 2.10) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 515 (Biểu số 2.12)

- Trong năm công ty không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10: Giấy báo có



CHUNG TU GIAO DỊCH

KH: VC/18T

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

GIẤY BÁO CÓ - IBTC

117 BẠCH DƯƠNG - T.T NÚI ĐÉO –
THUY NGUYỄN – HẢI PHÒNG

Ngày: 25/06/18

SỐ HD: 250618.6957.078425

LIÊN 2: LƯU

Người hưởng: CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI

Số tài khoản: 32310002926868

Tại NH: BIDV HẢI PHÒNG

Số CMT:

Địa chỉ:

Số tiền: VND 10.542

Mười nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

GIAM ĐỐC

Biểu số 2.11: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2018

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...
25/06	GBC	25/06	Lãi tiền gửi	112	10.542	
	250618			515		10.542
27/06	GBN	27/06	Thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản	331	77.000.000	
	270618			112		77.000.000
29/06	GBC	29/06	Nộp tiền vào tài khoản	112	14.500.000	
	290618			1111		14.500.000
02/07	GBN	02/07	Phí chuyển tiền	642	61.500	
	020718			133	6.150	
				112		67.650
...
			Cộng		102.105.407.540	102.105.407.540

Đơn vị tính: đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ Cái 515

CÔNG TY TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03b – DNN

Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC Phòng

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm: 2018

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...
25/06	GBC250618	25/06	Lãi tiền gửi	112		10.542
14/07	GBC140718	14/07	Lãi tiền gửi	112		60.000
10/08	GBC100818	10/08	Lãi tiền gửi	112		25.545
...
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.869.360	
			Cộng SPS		1.869.360	1.869.360
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi

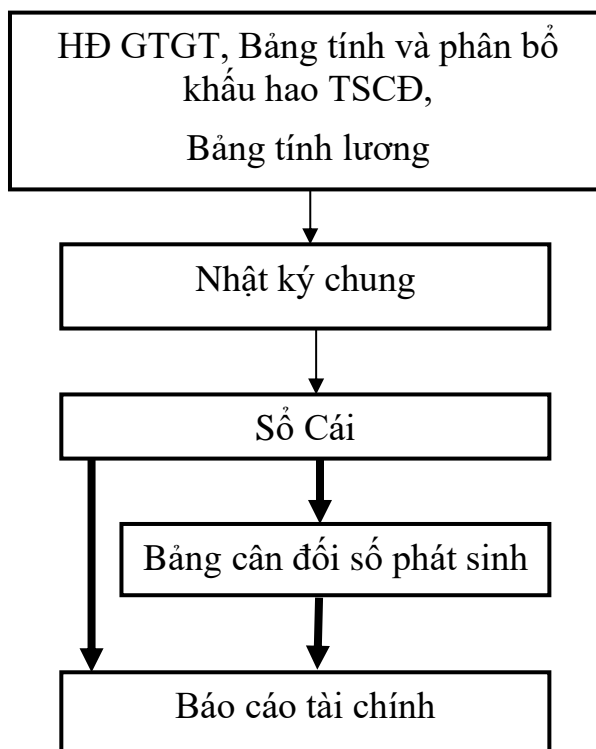
Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ tại doanh nghiệp chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính.
- Chi phí mua văn phòng phẩm.
- Lệ phí ngân hàng.
- Tiền điện thoại.
- Chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, thuê môn bài...
 - ❖ Chứng từ sử dụng
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
 - ❖ Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng tài khoản chi tiết của TK 642 là:

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

❖ Ví dụ:

Ngày 05/11/2018 thanh toán tiền dịch vụ viễn thông với số tiền 915.300 đồng (chưa VAT 10%) chi tiền mặt

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0751631 (Biểu số 2.13) Kế toán lập phiếu chi số 04/12 (Biểu số 2.14)
- Căn cứ vào HĐ GTGT 0751631 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.15)
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái 6422 (Biểu số 2.16)
- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT 0751631

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**(GTGT)**TELECOMMUNICATION SERVICE
INVOICE

(VAT)

Mẫu số: **01GTKT0/001**Seri: **bb/16E**Số: **0751631**

Viễn thông thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0100686209 - 084**Địa chỉ: số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.**

Tên khách hàng (Sub Name): Công ty TNHH CHUNG LỢI

Mã số thuế: 0201308154

Địa chỉ (Address): Số 1G Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)
1	CUOC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TRẢ CUOC THANG 10/1018				915.300
Cộng tiền (1) (Total):					915.300
Thuế suất GTGT: 10% \times (1)=Tiền thuế GTGT(2) (Value Added Tax):					33.357
Tổng cộng tiền thanh toán (3)=(1)+(2) (Group total):					1.006.830
Số tiền viết bằng chữ (Sum in words): Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.					

Ngày 05 tháng 11 năm 2018

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Phiếu chi.

CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI	Mẫu số 02-TT		
Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)		
	Nợ 6422 : 915.300		
	Nợ 133: 91.530		
	Có 111: 1.006.830		
PHIẾU CHI			
số: 04/12			
Ngày 05 tháng 11 năm 2018			
Họ, tên người nhận tiền: Phạm Tuấn Anh			
Đơn vị: Phòng kế toán			
Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam			
Lý do chi: Thanh toán hóa đơn viễn thông			
Số tiền: 1.006.830			
Bằng chữ: Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.			
Kèm theo: chứng từ gốc			
Ngày 05 tháng 11 năm 2018			
GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ QUỸ	NGƯỜI NHẬN
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...
05/11	PC04/12 HD0751631	05/11	Thanh toán tiền viễn thông	6422	915.300	
				1331	91.530	
				111		1.006.830
10/11	PC07/12	10/11	Thanh toán tiền điện thoại cố định	6422	94.494	
				1331	9.494	
				111		103.943
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
27/11	PC15/12	27/11	Thanh toán tiền internet	6422	150.000	
				1331	15.000	
				111		165.000
...
			Cộng		102.105.407.540	102.105.407.540

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Sổ Cái TK 642

CÔNG TY TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03b – DNN

Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC)

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm: 2018

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...
05/11	PC04/12 HĐ0751631	05/11	Thanh toán viễn thông	111	915.300	
10/11	PC07/12	10/11	Thanh toán tiền điện thoại cố định	111	94.494	
27/11	PC15/12	27/11	Thanh toán tiền internet	111	150.000	
...
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		936.313.595
			Cộng		936.313.595	936.313.595

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh, doanh thu khác và chi phí khác tại công ty TNHH Chung Lợi.

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho các đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Chung Lợi.

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính năm.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

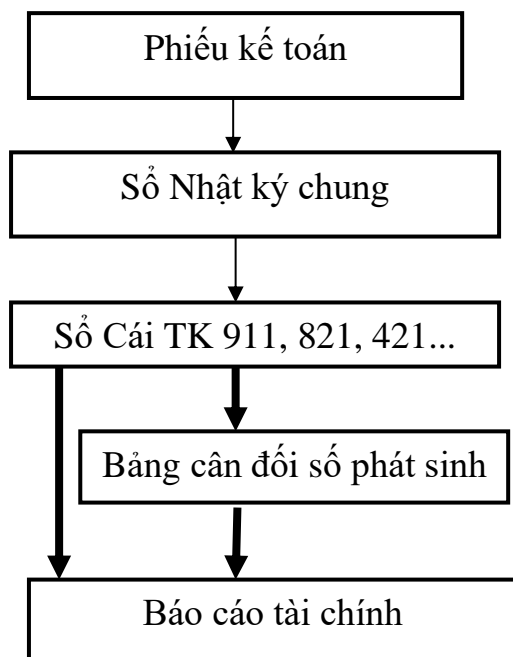
❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái các TK 911, 421, 511, 515, 632, 711, 642, 811, 821

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: 511, 515, 632, 711, 642, 821, 811, 911, 421

❖ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

❖ Trình tự hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản : 911, 821, 421. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ:

Ngày 31/12/2018: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2018 và xác định kết quả kinh doanh

Trong năm công ty không phát sinh các khoản doanh thu khác và chi phí khác.

Biểu số 2.17: Phiếu kê toán 19

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, HP

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KÊ TOÁN**Số 19**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	17.465.481.803
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.869.360
	Cộng			17.467.351.163

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán 20

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, HP

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 20**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	16.491.001.668
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	936.313.595
	Cộng			17.427.315.263

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán 21

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, HP

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 21**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	8.007.180
	Cộng			8.007.180

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 22

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, HP

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 22**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	8.007.180
	Cộng			8.007.180

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 23

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên,

Độc lập – tự do – hạnh phúc

HP

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 23**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	32.028.828
	Cộng			32.028.828

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
			Số trang trước chuyển sang			
...
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	17.465.481.803	
				515	1.869.360	
				911		17.467.351.163
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	17.427.315.263	
				632		16.491.001.668
				642		936.313.595
31/12	PKT21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	8.007.180	
				3334		8.007.180
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	8.007.180	
				821		8.007.180
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	32.028.828	
				421		32.028.828
			Cộng lũy kế từ năm trước		72.955.289.120	72.955.289.120

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Sổ Cái 911

CÔNG TY TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03b – DNN

Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm: 2018

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		17.465.481.803
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.869.360
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	16.491.001.668	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	936.313.595	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.007.180	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	32.028.720	.
			Cộng SPS		17.467.351.163	17.467.351.163
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái 821

CÔNG TY TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03b – DNN

Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC Phòng)

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm: 2018

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	8.007.180	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		8.007.180
			Cộng số phát sinh năm		8.007.180	8.007.180
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Sổ cái 421

CÔNG TY TNHH Chung Lợi

Mẫu số: S03b – DNN

Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm: 2018

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT23	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	911		32.028.720
			Cộng số phát sinh năm			32.028.720
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Chug Lợi

Mẫu số B02-DNN

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2018***Đơn vị tính: VNĐ*

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.465.481.803	28.961.395.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.465.481.803	28.961.395.500
4. Giá vốn hàng bán	11		16.491.001.668	28.828.771.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		974.480.135	132.623.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.869.360	1.707.108
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		936.313.595	838.884.360
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		40.035.900	(704.553.456)
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.035.900	(704.553.456)
14. Chi phí thuế TNDN	51		8.007.180	46.414.593
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.028.720	(704.553.456)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH CHUNG LỢI****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chung Lợi.**

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên công tác kế toán tại công ty vẫn còn chưa hoàn toàn hợp lý.

3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Công ty TNHH Chung Lợi luôn đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực kinh doanh, đồng thời đảm bảo đầy đủ công việc cho người lao động và thu nhập của cán bộ công nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó công ty thực hiện nghĩa vụ nộp thuế luôn đầy đủ.

- Tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, hợp lý, kế toán trưởng là người có kinh nghiệm chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.

- Chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự trùng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

- Sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho

công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Chung Lợi cũng vẫn tồn tại nhiều điểm cần khắc phục.

- Về tài khoản sử dụng: Hiện nay công ty chưa mở sổ cho TK 511, TK 632 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng.

- Về sổ sách kế toán sử dụng: Công ty chưa hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh cho từng loại mặt hàng. Công ty vẫn hạch toán doanh thu, chi phí cho tất cả các mặt hàng, điều này sẽ khiến cho việc theo dõi các thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của từng mặt hàng trở nên khó khăn hơn, công tác quản lý kinh doanh mất nhiều thời gian hơn, không hiệu quả.

- Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay việc ghi chép ở công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định,

mất thời gian, dễ nhầm lẫn,...Chính vì thế Báo cáo tài chính của công ty đôi khi còn chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

- Trình độ đội ngũ kế toán: Một số kế toán trình độ học vấn cao đẳng, kinh nghiệm chưa có nhiều, chuyên môn còn hạn chế. Vì vậy trong nhiều trường hợp cần có kiến thức chuyên môn cao thì chưa thể đáp ứng được một cách tốt nhất.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

3.2.1. Sự cần thiết hoàn thiện trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, công ty rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế để từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của công ty. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phần hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa, chặt chẽ giữa các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí, cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được nguồn thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất, và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

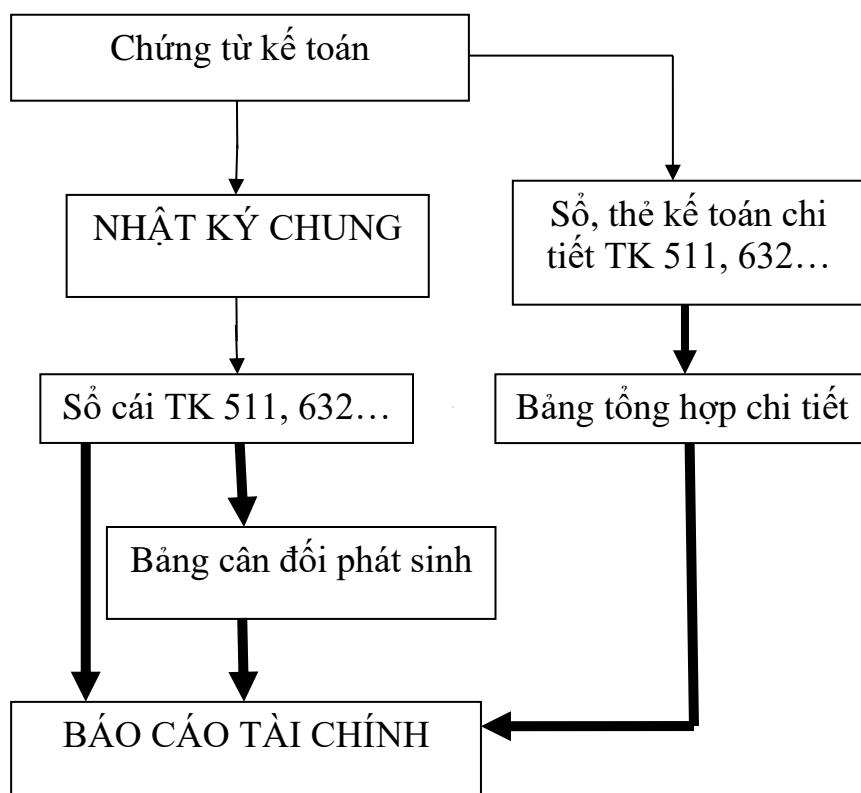
3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Chung Lợi, ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

❖ Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện sổ sách kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể, tạo điều kiện cho việc theo dõi doanh thu, giúp cung cấp thông tin chính xác để quản lý có thể đưa ra chính sách hợp lý, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ sản phẩm làm tăng thu nhập.

Như vậy quy trình hạch toán kế toán doanh thu và giá vốn bán hàng sẽ theo sơ đồ 3.1



Sơ đồ 3.1: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Tiếp tục VD1

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi

Địa chỉ: Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số: S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/ TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNGTên hàng hóa: Thép ống (42,2x2,0x6m)
Năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
...		
28/09	HĐ 0000835	28/09	Bán hàng cho công ty TNHH Một thành viên vận tải và xây dựng Chung Tiến	112	2.213	14.272,7	31.585.485		
....
			Cộng số phát sinh				996.584.000		
			Doanh thu thuần				996.584.000		
			Giá vốn hàng bán				900.485.030		
			Lãi gộp				96.098.970		

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Chung Lợi**Địa chỉ:** Số 1G Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm:2018

ST T	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Doanh thu	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
A	B	C	D	E	1			2
1	Thép ống (42,2x2,0x6m)	Kg	8.896	996.584.000		996.584.000	900.485.030	96.089.970
2	Thép (D6,D8,D10)	Kg	7.226	221.223.870		221.223.870	174.538.600	46.685.270
...		
	Cộng			17.465.481.803		17.465.481.803	16.491.001.668	974.480.135

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Ý kiến thứ 2:

- Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán để công ty lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, SMART, VACOM,... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, giúp phòng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học và đạt hiệu quả cao.

- Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính để phục vụ công việc kế toán. Đây là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán trong công ty.

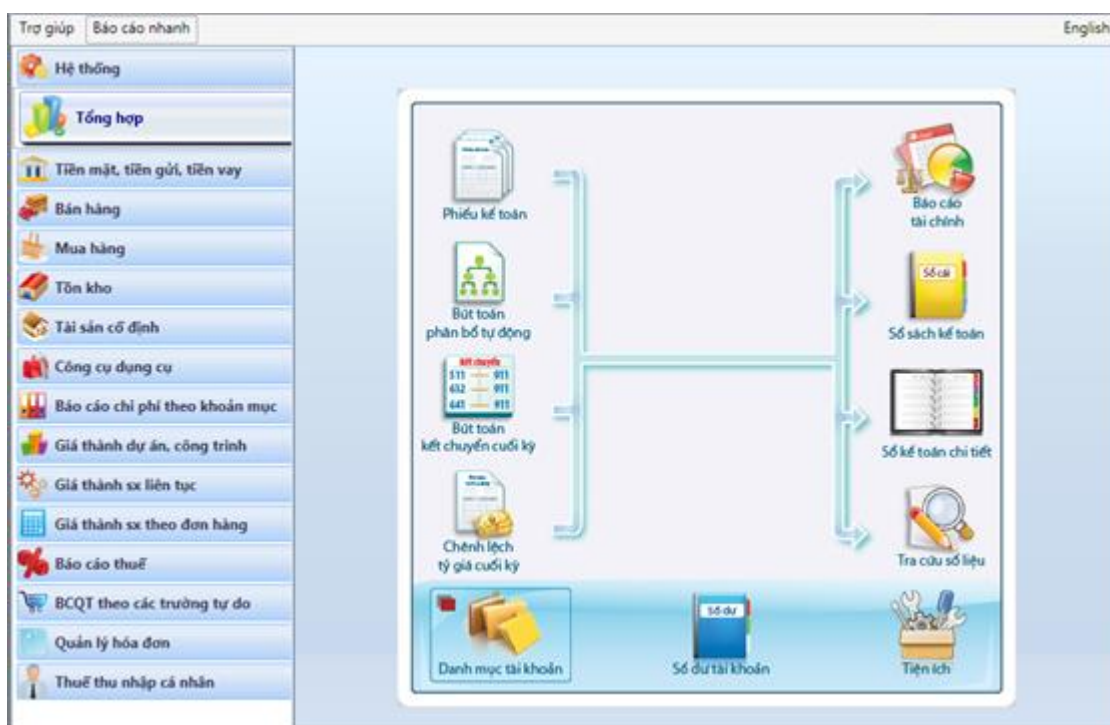
- Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA và FAST ACCOUNTING.



MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Dịch vụ, Xây lắp, Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế.

Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.



Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 15.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT, ...

❖ Ý kiến thứ ba: Nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán

Công ty cần đưa ra chính sách nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên kế toán như đăng ký cho nhân viên tham gia học những lớp về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tìm hiểu sâu hơn về hoạt động kế toán cũng như phân tích Báo cáo tài chính để giúp cho công tác kế toán được chính xác hơn, có thể đưa ra những thông tin đáng tin cậy và hữu ích cho nhà quản trị, có thể giải quyết được tốt những nghiệp vụ cần trình độ chuyên môn cao. Từ đó giúp nhà quản trị định hướng được tốt hơn, công ty sẽ phát triển hơn trong tương lai.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Chung Lợi” đã trình bày và làm rõ một số vấn đề sau:

✓ Về mặt lý luận: Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

✓ Về mặt thực tiễn:

- Đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

- Đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Chung Lợi.

- Đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chung Lợi.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài làm của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Ths. Phạm Thị Nga, Ban lãnh đạo và các chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Chung Lợi đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Ngân

Đào Thị Thu Ngân

1 DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT-BTC (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Chung Lợi (2018), *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.